

CẢI THIỆN MÔI TRƯỜNG Ở CHO CÁC KHU DÂN CƯ NGHÈO ĐÔ THỊ TRONG QUÁ TRÌNH ĐÔ THỊ HÓA Ở VIỆT NAM

Nguyễn Tố Lăng*

Mở đầu

Sau hơn hai mươi năm đổi mới, Việt Nam phát triển nhanh chóng về mọi mặt, từ kinh tế - xã hội, khoa học kỹ thuật đến mức độ đô thị hoá. Trong thời gian qua, mạng lưới đô thị trên toàn quốc ngày càng được mở rộng và phát triển. Cùng với những đóng góp đáng kể vào sự nghiệp phát triển kinh tế của đất nước, kết cấu cơ sở hạ tầng, không gian và bộ mặt đô thị đã thay đổi nhanh chóng với những tiến bộ rõ rệt.

Trong các đô thị, trung tâm hành chính, chính trị, khoa học kỹ thuật, văn hoá và các khu chức năng khác được phát triển đồng bộ, hiện đại. Nhiều khu đô thị mới, nhiều khu nhà ở được xây dựng hoàn chỉnh, có tiện nghi và điều kiện sống cao, đặc biệt ở các thành phố lớn. Tuy nhiên bên cạnh đó, nhiều khu dân cư nghèo vẫn còn tồn tại với điều kiện sống hết sức thấp kém với một hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị thiếu thốn nghiêm trọng. Để xây dựng các đô thị phát triển bền vững, môi trường ở trong những khu vực nghèo này phải được cải thiện đáng kể; để làm được điều đó cần có những giải pháp thích hợp và sự quan tâm thích đáng của các cấp chính quyền cũng như ngay chính người dân trong khu vực.

Bài viết này trình bày tổng quan sự phát triển đô thị hoá ở Việt Nam; Các tiêu chí và thực trạng của khu dân cư nghèo trong đô thị; Một số giải pháp nhằm cải thiện môi trường ở cho người dân trong các khu vực nghèo đô thị và Vai trò cũng như trách nhiệm của các thành phần xã hội trong việc quy hoạch cải tạo và chỉnh trang các khu dân cư nghèo, góp phần xây dựng các đô thị Việt Nam phát triển nhanh chóng và bền vững.

1. Thực trạng công tác quy hoạch và quản lý đô thị trong quá trình đô thị hoá ở Việt Nam

Trong những năm qua, cùng với sự tăng trưởng về kinh tế - xã hội, Việt Nam đã đạt được tốc độ đô thị hoá khá cao, mạng lưới đô thị ngày càng được mở rộng và phát triển. Hiện nay, cả nước có 729 đô thị với 95 thành phố và thị xã, trong đó có 2 đô thị loại đặc biệt là Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh, 3 đô thị loại I, 14 đô thị loại II, 38 đô thị loại III, 38 đô thị loại IV và 634 đô thị loại V¹. Trên địa bàn cả nước đã và đang thành lập khoảng 150 khu công nghiệp tập trung, 10 đô thị mới, 25 khu kinh tế mở,

*Trường Đại học Kiến trúc Hà nội

CẢI THIỆN MÔI TRƯỜNG Ở CHO CÁC KHU DÂN CUNGHIÈO ĐÔ THỊ...

khu kinh tế cửa khẩu, khu kinh tế đặc thù, góp phần mở rộng mạng lưới đô thị quốc gia tại các vùng ven biển và biên giới.

Trong quá trình phát triển kinh tế nói chung, khu vực đô thị đã đóng góp một tỷ lệ quan trọng, khoảng 65%-70% tổng GDP của cả nước. Quá trình đô thị hoá đã diễn ra theo hướng tích cực, không gian đô thị, cơ sở hạ tầng đô thị và bộ mặt đô thị đã có nhiều thay đổi và có những tiến bộ quan trọng.

Tỷ lệ đô thị hoá tăng từ 18% (năm 1986) lên 27% (tháng 6 năm 2006). Nhiều đô thị đã phát triển và mở rộng vượt ra ngoài dự báo cả về tăng trưởng dân số, nhu cầu sử dụng đất, trình độ phát triển cơ sở hạ tầng... Năm 2005, dân số đô thị khoảng 22 triệu người, đất xây dựng đô thị khoảng 398.712 ha với chỉ tiêu khoảng 180 m²/người².

Hệ thống đô thị Việt Nam thực sự là hạt nhân của quá trình phát triển kinh tế xã hội với nhiều thành công đạt được trong thời gian vừa qua. Tuy nhiên, bài viết này tập trung chủ yếu vào những vấn đề cơ bản vẫn còn tồn tại ở các đô thị Việt Nam để xem xét khắc phục.

Hiện nay, cơ sở kinh tế kỹ thuật tạo động lực phát triển đô thị còn yếu, tăng trưởng kinh tế chưa tương xứng với tăng trưởng dân số. Cơ cấu tổ chức không gian và phân bố dân cư trên địa bàn cả nước còn mất cân đối, sự cách biệt giữa đô thị và nông thôn, giữa vùng phát triển và kém phát triển còn lớn. Tình trạng di dân tự do, chủ yếu là những người thiếu việc làm từ nông thôn ra thành thị làm gia tăng sức ép lên đô thị như vấn đề giao thông, nhà ở, môi trường, nghèo đói, an toàn xã hội... tác động xấu đến sự phát triển và tốc độ tăng trưởng của đô thị.

Về tài chính, nhu cầu phát triển các đô thị ngày càng tăng nhưng khả năng tài chính hạn hẹp và công tác quản lý đô thị chưa làm chủ được tình hình phát triển đô thị. Quy hoạch đầu tư chưa được xác định theo thứ tự ưu tiên hiệu quả, hiếm có những phân tích nghiêm ngặt về kinh tế và tài chính được tiến hành.

Việc sử dụng đất nông nghiệp, lâm nghiệp vào mục đích xây dựng đô thị đang là nguy cơ lớn đối với an toàn lương thực, thực phẩm và mất cân bằng sinh thái.

Quá trình phát triển của đô thị Việt Nam có được từ hai chuyển đổi chính là sự di dân từ nông thôn ra thành thị và sự chuyển đổi từ kinh tế kế hoạch tập trung sang kinh tế theo cơ chế thị trường. Hầu hết các doanh nghiệp dịch vụ và công nghiệp nằm trên địa bàn đô thị, cũng vì vậy mà các đô thị đóng góp khoảng 70% sản lượng kinh tế và đa số đầu tư trực tiếp nước ngoài hướng vào các thành phố, đặc biệt các thành phố lớn. Với những lý do đó, các cơ hội kinh tế ở khu vực đô thị đã thu hút làn sóng di dân từ nông thôn và ngược lại, sự mở rộng các đô thị đã khuyến khích tăng trưởng kinh tế. Người nghèo di chuyển đến đô thị vì ở đó họ có nhiều cơ hội về công ăn việc làm hơn, kết quả là đói nghèo ở nông thôn giảm, nhưng tình trạng đói nghèo ở đô thị tăng lên nhất thời.

Về sức ép của dân số, với thu nhập thấp như nước ta thì tỷ lệ dân thành thị phải chịu đựng cảnh nghèo khổ và sự thoái hoá môi trường rất cao, việc thiếu nước sinh

hoạt, thiếu điều kiện vệ sinh, điều kiện y tế là những mối nguy hiểm cho cuộc sống của họ. Việc làm trong các đô thị là một trong những vấn đề nan giải. Đô thị không thể đáp ứng được những nhu cầu về việc làm cho dòng người di dân từ nông thôn ra thành thị đã tạo nên các chợ người và các tệ nạn xã hội như mại dâm, cờ bạc, trộm cắp, nghiện hút... Vì vậy vấn đề đặt ra là phải quản lý chặt chẽ quá trình đô thị hoá để nó phát triển theo hướng tích cực.

Cũng như ở các nước đang phát triển, quá trình đô thị hoá ở Việt Nam là hệ quả của sự bùng nổ dân số, sự phát triển công nghiệp thấp kém, sự phát triển không đồng đều giữa các vùng trong một nước, sự suy thoái của nông nghiệp và nông thôn tạo ra sự mâu thuẫn ngày càng sâu sắc giữa đô thị và nông thôn, giữa vùng chậm phát triển và vùng phát triển.

Ở Việt Nam, sự gia tăng dân số đô thị chủ yếu là cơ học. Làn sóng dịch cư tới các đô thị tăng nhanh hơn tốc độ tăng công nghiệp, dịch vụ (ví dụ ở thành phố Hồ Chí Minh hiện người nhập cư chiếm 1/3 dân số). Sự bùng nổ hệ thống khu đô thị mới đang diễn ra, một mặt vừa giảm áp lực về chỗ ở cho dân, vừa đem lại lợi nhuận khổng lồ cho giới kinh doanh bất động sản. Mặc dù vậy, các khu đô thị mới chỉ phát triển các công trình để ở, còn bỏ ngỏ các công trình dân sinh, hạ tầng xã hội...

Trong thời gian gần đây, công tác quy hoạch và quản lý đô thị đã được cải thiện đáng kể. Bộ Xây dựng đã soạn thảo và ban hành các Thông tư hướng dẫn tạo cơ sở và căn cứ cho công tác quản lý xây dựng và phát triển đô thị, giảm dần các vướng mắc góp phần loại bỏ nhiều quy định không phù hợp tại các địa phương.

Những khu đô thị mới hiện đại với các điều kiện sống và làm việc cơ bản đạt tiêu chuẩn quốc tế được xây dựng không chỉ đảm bảo chỗ ở mà còn cung cấp đầy đủ không gian đô thị hài hoà với các điều kiện hạ tầng hiện đại thuận lợi cho cộng đồng cư dân. Tính riêng về nhà ở, trong khoảng thời gian từ 2001 đến 2006, cả nước đã xây dựng được khoảng 12 triệu m² (trong đó nhà ở xây dựng theo dự án khoảng 2 triệu m², còn lại là nhà ở do dân tự xây dựng).

Hệ thống hạ tầng đô thị trong những năm gần đây được đầu tư cơ bản và rộng khắp, thay đổi và nâng cao điều kiện sống và làm việc của dân cư trong các đô thị. Nhiều dự án lớn về phát triển giao thông đô thị được triển khai như hệ thống tàu điện ngầm, các bãi đỗ xe ngầm tại Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh; các nút giao thông, nhiều cầu lớn bắc qua sông ở các đô thị và việc triển khai các dịch vụ vận tải công cộng. Chất lượng phục vụ của giao thông công cộng ngày càng tốt hơn, công tác xã hội hoá trong việc thu gom vận chuyển chất thải rắn có nhiều tiến bộ, cung cấp thông tin liên lạc phát triển và thuận tiện nhanh chóng... Tuy nhiên, cơ sở hạ tầng trên diện rộng của từng đô thị còn yếu kém, ô nhiễm môi trường và vệ sinh đô thị chưa được giải quyết đã ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững các đô thị. Tỷ lệ dân cư đô thị được cấp nước bình quân khoảng 65% - 70%. Tỷ lệ thu gom chất thải rắn trung bình đạt 70% - 75% tại các thành phố lớn và khoảng 30% - 50% tại các đô thị vừa và nhỏ.

CẢI THIỆN MÔI TRƯỜNG Ở CHO CÁC KHU DÂN CUNGHIÈO ĐÔ THỊ...

Tỷ lệ chiếu sáng các đường phố chính đô thị trung bình đạt 85% - 100%³ [3] và hầu hết các đô thị tỉnh lỵ, huyện lỵ đều có chiếu sáng công cộng.

Trình độ quản lý đô thị của các cơ quan thuộc các chính quyền địa phương được nâng cấp qua quá trình quản lý thực tiễn, các khoá đào tạo và chương trình nâng cao năng lực. Chính quyền các đô thị đã đóng vai trò điều phối tạo cơ chế và hành lang pháp lý cho công tác phát triển đô thị, qua đó đẩy mạnh sự phát triển kinh tế xã hội và nâng cao vị thế của từng đô thị.

Quá trình phát triển đô thị đã thu hút được một nguồn vốn đầu tư lớn từ mọi thành phần kinh tế cho công tác phát triển hạ tầng đô thị và nâng hiệu quả sử dụng đất, mang lại một nguồn thu đáng kể cho ngân sách nhà nước. Không gian đô thị không ngừng mở rộng, bộ mặt đô thị đã có những thay đổi rõ nét. Nhiều công trình, đường phố, khu đô thị đã được xây dựng theo quy hoạch, nhất là ở các đô thị lớn. Tại nhiều thành phố trong cả nước đã xuất hiện một số khu phố mới khang trang với những công trình kiến trúc có hình khối, bố cục, đường nét của kiến trúc hiện đại, thể hiện sự phát triển của đất nước trong thời kỳ đổi mới.

2. Tổng quan về các khu dân cư nghèo trong các đô thị

2.1. Khái niệm khu dân cư nghèo trong các đô thị

Khu dân cư nghèo (hay khu vực thu nhập thấp) gồm các khu chung cư đông dân nghèo trong nội thành, nội thị; những nơi ở lấn chiếm, phát triển không theo quy hoạch trong đô thị hoặc tại các khu vực ven đô, là các khu vực chưa được đầu tư cải tạo do chưa có nguồn vốn hoặc thiếu sự quan tâm của thành phố; thiếu các điều kiện sống và sinh hoạt cơ bản như hệ thống hạ tầng kỹ thuật (đường giao thông, vỉa hè, đèn đường, cấp nước, thoát nước mưa, thu gom rác thải, vệ sinh môi trường); hạ tầng xã hội (trường học, nhà trẻ, trạm y tế, khu vui chơi giải trí, không gian giao tiếp của cộng đồng) và các dịch vụ tối thiểu khác.

Theo Quyết định 170/2005/QĐ-TTg ngày 08 tháng 7 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về quy định chuẩn nghèo quốc gia thì trong giai đoạn 2006 - 2010, hộ nghèo đô thị là hộ gia đình ở vùng thành thị có thu nhập bình quân đầu người thấp hơn 260.000 đồng/người/tháng. Tiêu chí xác định khu dân cư nghèo có thể dựa trên những chỉ số sau:

Bảng 1. Tiêu chí xác định khu dân cư nghèo⁴

TT	Tiêu chí	Các chỉ số
1	Quy hoạch của Khu dân cư	Trong vòng 10 năm nữa vẫn ổn định và không phải di dời

2	Quy mô	<p>- Là khu vực có số hộ gia đình và diện tích như sau: + Đô thị loại I: 200 hộ trở lên; diện tích 1,2 ha trở lên; + Đô thị loại II: 150 hộ trở lên; diện tích 0,9 ha trở lên; + Đô thị loại III, IV: 100 hộ trở lên; diện tích 0,6 ha trở lên.</p> <p>- Là khu vực có số hộ gia đình nghèo và cận nghèo so với tổng số hộ của khu vực như sau: + Đô thị loại I: 15% trở lên; + Đô thị loại II: 10% trở lên; + Đô thị loại III, IV: 10% trở lên.</p>
3	Hệ thống đường sá trong khu vực dân cư	<p>- Mật độ đường thấp (tổng chiều dài đường trong khu vực / diện tích khu vực), nhỏ hơn 5 km/km² - Có trên 50% đường nội bộ hẹp hơn 2,5m và mặt đường còn là đường đất và cấp phối.</p>
4	Cung cấp nước sạch	<p>- Có trên 30% hộ gia đình chưa được dùng nước máy - Tiêu chuẩn nước cho các khu đô thị nhỏ và vừa là 75-80 lít/người/ngày; cho các khu đô thị lớn là 100-150 lít/người/ngày.</p>
5	Hệ thống thoát nước thải và nước mưa	<p>- Có trên 30% hộ gia đình đường cống thoát nước thải chưa được nối với cống chung của khu vực. - Khu vực bị ngập về mùa mưa thời gian nửa ngày</p>
6	Vệ sinh môi trường	<p>- Có trên 20% hộ gia đình không có hố xí tự hoại và bán tự hoại. - Có trên 30% hộ gia đình không được thu gom rác thải</p>
7	Điện chiếu sáng	<p>- Có trên 50% đường nội bộ chưa có đèn đường chiếu sáng.</p>
8	Số nhà tạm trong khu vực	<p>- Có trên 30% là nhà tạm so với tổng số nhà ở trong khu vực - Có trên 30% hộ gia đình có diện tích sàn nhỏ hơn 40 m²/hộ</p>
9	Sự tham gia của cộng đồng và chính quyền địa phương	<p>- Nhất trí và tích cực tham gia theo quy định: + 100% các cấp chính quyền + trên 50% cộng đồng dân cư</p>

CẢI THIỆN MÔI TRƯỜNG Ở CHO CÁC KHU DÂN CUNGHIỀ ĐÔ THỊ...

Khu dân cư nghèo thường có tỉ lệ hộ thu nhập thấp khá cao, môi trường bị ô nhiễm, nhiều bệnh tật phát sinh ảnh hưởng đến sức khỏe của dân cư và sự phát triển bền vững của đô thị. Các khu dân cư nghèo tồn tại trong nhiều đô thị, rất đa dạng nhưng có thể nêu lên bốn loại khu dân cư nghèo tiêu biểu là⁵:

- Khu dân cư nghèo nằm ở trung tâm các thành phố lớn

Đa số dân cư trong các khu nghèo này làm nghề tự do, thu nhập thấp và không ổn định. Mật độ dân số cao, từ 200 đến 300 người/ha. Có tới 70% - 80% nhà ở là nhà tạm 1 tầng, mỗi hộ trung bình có từ 6 đến 7 người sinh sống với nhiều thế hệ, thậm chí có nhà chỉ có 30m² mà có tới 3 thế hệ sống chung với nhau.

Về giao thông, khu phố có nhiều ngõ, hẻm hẹp đi lại rất khó khăn, mặt đường thường là cấp phối, chiều rộng chỉ từ 1 đến 1,5 mét, chật hẹp đến mức không thể lắp cột điện vào các ngõ, các hộ đều phải câu dây điện từ xa, dây điện mắc chằng chịt, không an toàn, điện năng tổn thất lớn.



Hình 1. Khu phố nghèo đô thị

Trong khu dân cư không có hệ thống thoát nước, chỉ có một số đoạn mương hở hoặc mương có nắp đan, nước thải sinh hoạt thường chảy tràn trên mặt đường. Các đường ống cấp nước và cống thoát nước chằng chéo lên nhau, gây khó khăn cho việc sửa chữa và bảo dưỡng. Tình trạng vệ sinh môi trường yếu kém, rác thải chưa được thu gom triệt để, có nhiều bãi rác đổ ngay trên mương trong khu dân cư, bốc mùi hôi thối nồng nặc.

- Khu dân cư nghèo bên cạnh các xí nghiệp công nghiệp

Hiện nay tình trạng các khu dân cư nghèo, nơi ở của những công nhân lao động tạm bợ bên cạnh các xí nghiệp công nghiệp đang xuất hiện ngày một nhiều theo sự phát triển của các khu công nghiệp tập trung và khu chế xuất. Nhà ở chủ yếu là nhà thuê, chất lượng thấp, mật độ ở cao và đặc biệt là thiếu nghiêm trọng hệ thống dịch vụ công cộng và hạ tầng kỹ thuật. Do các khu công nghiệp được đầu tư ồ ạt, thiếu vốn, thiếu năng lực; các khu công nghiệp lại không quan tâm đến nơi ở của công nhân đã làm tăng nguy cơ ô nhiễm môi trường, mất an toàn và thiếu quản lý, kiểm soát.

Các khu nghèo trong đô thị gia tăng do việc tăng nhanh lao động ở thuê tại các khu công nghiệp, rải rác xen kẽ trong các đô thị lớn và các vùng ven đô đang là mối đe dọa làm cho các đô thị nghèo đi và môi trường xuống cấp. Hình thức này hình thành

nhanh chóng các khu nghèo kiểu mới và sự xuống cấp trầm trọng môi trường ở tại các khu đô thị.

- Khu dân cư nghèo mới chuyển từ làng xã sang phường (từ nông thôn chuyển sang đô thị).

Thu nhập của các hộ dân tại các phường mới chuyển từ xã sang phường chủ yếu là thấp, tỉ lệ hộ thu nhập dưới 300.000 đồng/tháng/người là khá cao, chiếm trên 20%, có khu là 45%, dân cư ở đây đang trong quá trình chuyển đổi từ sản xuất nông nghiệp sang các ngành nghề sản xuất công nghiệp và các chức năng chuyên dùng khác. Cơ sở hạ tầng của các khu dân cư nghèo loại này còn rất yếu kém, phổ biến nhất là chưa có hệ thống thoát nước, nước thải sinh hoạt chỉ thấm ra khu xung quanh, có khi chảy tràn trên mặt đường.

Vệ sinh môi trường thấp kém, chỉ có một số hộ gia đình có hố xí bán tự hoại, số còn lại dùng hố xí 2 ngăn, 1 ngăn, xí tạm không hợp vệ sinh; rác thải sinh hoạt ít được thu gom, chủ yếu còn chôn lấp tại vườn nhà. Nhiều khu dân cư chưa được cấp nước máy, nhân dân phải dùng nước giếng khơi hoặc nước sông, chất lượng nước không hợp vệ sinh. Đường sá trong các khu dân cư chưa được quy hoạch và phần lớn mặt đường là đường đất, không có chiếu sáng công cộng.

- Khu dân chài nghèo đánh bắt hải sản ở các thành phố ven biển.

Khu nghèo này gồm phần lớn là ngư dân, sống chủ yếu bằng đánh bắt hải sản, họ chịu nhiều rủi ro về kinh tế khi liên tục gặp phải thời tiết xấu và thiên tai. Ngoài đánh bắt hải sản theo mùa, họ còn làm các nghề tự do khác như sơ chế hải sản, buôn bán chạy chợ và các dịch vụ khác,... vì thế thu nhập thường không ổn định, đời sống bấp bênh.

Phần lớn nhà ở là tạm bợ, diện tích chật hẹp, mỗi gia đình thường có khoảng từ 5 đến 6 người sống trong gian nhà khoảng 30 m². Cơ sở hạ tầng thấp kém, đường sá chật hẹp, quanh co, mặt đường bằng đất cát. Các khu dân cư loại này thường không được cấp nước, không có cống rãnh thoát nước, khi mưa thì ngập úng, nước thải sinh hoạt tự thấm xuống cát. Vệ sinh môi trường rất kém, không có hố xí tự hoại ở các gia đình. Người dân phải sử dụng nhà vệ sinh công cộng, thậm chí không có nhà vệ sinh mà phải đi đại tiện ở bãi biển, bãi sông.

2.2. Thực trạng về các khu dân cư nghèo trong các đô thị

Người dân trong các khu nghèo đô thị thường là người di cư tự do từ các vùng nông thôn vào, chủ yếu là trẻ em và người trong độ tuổi lao động; họ tìm kiếm công ăn việc làm bằng các nghề tự do hoặc làm việc trong các khu công nghiệp tập trung, tương đối khó khăn trong việc có thu nhập ổn định. Ngoài ra là các nhóm đối tượng xã hội khác như những người không nghề nghiệp, người lang thang cơ nhỡ và bị ảnh hưởng bởi các tệ nạn xã hội. Đối tượng này rất khó kiểm soát, hết sức phức tạp trong việc quản lý của các chính quyền đô thị.

CẢI THIỆN MÔI TRƯỜNG Ở CHO CÁC KHU DÂN CUNGHIÈO ĐÔ THỊ...

Hệ thống hạ tầng kỹ thuật trong các khu dân cư nghèo phần lớn rất yếu kém, không đáp ứng được nhu cầu của người dân. Rất nhiều đường chính đô thị không có vỉa hè, mặt đường vẫn là đường đất. Đường sá thường là các ngõ xóm chật chội chất lượng kém, mặt đường nhỏ hẹp dưới 2,5 mét chiếm trên 50%. Thêm vào đó, việc tăng nhanh phương tiện cơ giới cá nhân gây ách tắc giao thông thường xuyên và làm gia tăng mức độ ô nhiễm không khí. Tình trạng lầy lội, úng ngập trong các khu nghèo là rất phổ biến do không có hệ thống thoát nước mưa, thông thường nước thoát chảy tràn trên mặt đường.

Mặc dù số hộ gia đình trong các khu nghèo có nước và điện tăng lên nhưng chất lượng còn yếu kém. Rất ít hộ nghèo được hưởng đầy đủ dịch vụ cung cấp nước sạch, ở một số nơi hệ thống cấp nước đã được đầu nối nhưng thiếu nước hoặc không có nước do chưa có kinh phí cải tạo, nâng cấp. Đa số các hộ trong khu nghèo phải tự khoan đào giếng để sử dụng nên chất lượng nước không đảm bảo vệ sinh. Chỉ có 61% người dân đô thị được tiếp cận với nước máy, chỉ có một vài đô thị ở Việt Nam có thu gom và xử lý nước thải. Hệ thống thoát nước chủ yếu là cống, rãnh hở rất mất vệ sinh; nước thải sinh hoạt, chăn nuôi xả trực tiếp ra cống, đổ ra ao, hồ trong khu vực, gây ô nhiễm môi trường và nguồn nước nghiêm trọng. Đây là nguyên nhân chính gây ra các bệnh truyền nhiễm và bệnh hiểm nghèo trong dân cư.

Vấn đề úng ngập và rác thải là khó khăn bức xúc của nhiều đô thị (trên 80% bãi chôn lấp đã gần đóng cửa và không hợp vệ sinh, có những khu vực úng ngập hàng tuần). Rác thải thu gom không triệt để, phần lớn đổ xung quanh nhà, đổ không đúng nơi quy định, gây mất vệ sinh trong khu dân cư và ảnh hưởng đến môi trường sống của chính người dân. Chất thải sinh hoạt và công nghiệp không được thu gom thường xuyên, hầu hết chưa được xử lý chôn lấp an toàn, gây ùn tắc cống rãnh đã làm cho môi trường xuống cấp trầm trọng.

Mạng lưới điện cũ, thiếu an toàn, chất lượng dịch vụ cấp điện còn thấp, thường xuyên xảy ra nhiều sự cố, hệ thống điện chiếu sáng công cộng hầu như không có. Dịch vụ bưu chính viễn thông tương đối ổn định hơn so với các dịch vụ khác trong hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị ở các khu nghèo song mức độ chi trả tiền dịch vụ quá cao so với thu nhập của người nghèo nên số lượng người sử dụng vẫn còn rất hạn chế.

Khảo sát của các chuyên gia Ngân hàng Thế giới cho thấy: Trong các khu đô thị nghèo, hệ thống cơ sở hạ tầng và các dịch vụ cơ bản yếu kém, thiếu thốn. Tốc độ đô thị hoá đang tăng cao dẫn đến hiện tượng di cư ra thành thị ngày một lớn, và vì vậy, đói nghèo từ nông thôn đang chuyển dần sang thành thị. Hạ tầng xuống cấp nghiêm trọng đang ảnh hưởng trực tiếp đến môi trường sống của dân nghèo.

Nhà ở chật chội với chất lượng kém, có khoảng 25% nhà ở được coi là dưới mức tiêu chuẩn hoặc là nhà tạm. Khoảng 300.000 người đang phải sống trong những khu ổ chuột ở thành phố Hồ Chí Minh. Nhà ở có đủ các loại mái lợp, tường bao khác

nhau (kiên cố, bán kiên cố, tạm bợ...), các công trình công cộng như chợ, trường học, trạm y tế, công viên, vườn hoa... đều cách xa khu nghèo đô thị.

Theo điều tra của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, hiện tại 30% số người sống dưới mức 3 m²/người, 65% người thu nhập thấp cần nhà ở, 50% số người có nhu cầu về nhà ở hy vọng được ở tại các khu chung cư⁶. Một số dự án xây dựng chung cư cho người có thu nhập thấp ra đời. Tuy nhiên, khi những chung cư này vừa khởi công thì số người nộp đơn thường đã nhiều gấp 3 lần số căn hộ trong một chung cư và cũng chỉ có 30% là mua được với giá gốc, 70% là qua trung gian và người mua chấp nhận bị đội giá từ 20% - 30% so với giá gốc mà không mua được nhà. Người nghèo đô thị thực sự có nhu cầu về nhà ở không thể mua được nhà vì số tiền quá lớn so với thu nhập của họ. Một căn phòng của chung cư mua giá gốc từ 400 triệu đồng đến trên 1 tỷ đồng (tùy theo diện tích và số tầng) nhưng nếu qua trung gian, phải mất thêm từ 30 - 50 triệu đồng cho một căn hộ⁷. Điều này cho thấy chung cư là một giải pháp hữu hiệu về nhà ở nhưng người nghèo đã, đang và sẽ không tiếp cận được.

Theo thống kê của Bộ Xây dựng thì trong 3,444 triệu m² chung cư được khảo sát tại 7 địa phương và 1,85 triệu m² ở thành phố Hồ Chí Minh, có 36% diện tích kém chất lượng, gần 64% chất lượng trung bình, không tới 1% có chất lượng khá trở lên⁸. Đây là những con số thật sự đáng lo ngại.

Lực lượng cán bộ của nhiều phòng quản lý đô thị địa phương vừa thiếu vừa yếu, về cả số lượng, năng lực cũng như cơ sở vật chất. Mặt khác, sự tham gia của cộng đồng trong các đô thị tương đối tốt, nhiều đô thị đã có các cuộc vận động như xây dựng nhà đoàn kết, nhà tình thương, xây dựng đường ngõ xóm và đã đạt được những kết quả đáng kể.

3. Một số giải pháp cải thiện môi trường ở cho các khu dân cư nghèo đô thị

3.1. Chính sách, cơ chế

Đối với các khu dân cư nghèo trong đô thị, việc cần thiết là phải đưa ra được những chính sách, cơ chế hợp lý. Các vấn đề chính cần quan tâm hiện nay là:

Định hướng phát triển đô thị có sự quan tâm thích đáng đến các khu dân cư nghèo phù hợp với tình hình hiện tại, kể cả các giải pháp thích hợp cho hệ thống hạ tầng kỹ thuật, trong đó khuyến khích nâng cấp đô thị tại chỗ cho những khu vực có thu nhập thấp. Cần phân cấp mạnh hơn đối với việc tạo nguồn thu, quy hoạch đô thị và xét duyệt các dự án. Xác định đầu tư theo thứ tự ưu tiên có hiệu quả với các chính sách giảm giá, trợ giá hoặc đầu tư theo kiểu trả góp cho người nghèo. Cần có hướng dẫn cho chính quyền địa phương trong xem xét đánh giá những đầu tư chi phí cao cho hệ thống vận chuyển công cộng và các quy trình xử lý chất thải hiện đại.

Trách nhiệm của các cơ quan chuyên môn, các sở, ban, ngành, chính quyền địa phương cần được xem xét lại và xác định rõ ràng; Cần trao thêm nhiều quyền lực cho chính quyền địa phương để rà soát và thực hiện các quy hoạch tổng thể trong một khuôn khổ quy định chặt chẽ nhằm ngăn ngừa việc lạm dụng quyền lực.

CẢI THIỆN MÔI TRƯỜNG Ở CHO CÁC KHU DÂN CUNGHIÈO ĐÔ THỊ...

Bổ sung, ban hành những Nghị định, Thông tư hướng dẫn đối với các lĩnh vực cấp thoát nước, quản lý chất thải rắn, giao thông đô thị và bảo vệ môi trường có quan tâm đến người nghèo. Gần đây, “Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng” ban hành theo Quyết định số 04/2008/QĐ-BXD ngày 03 tháng 4 năm 2008 của Bộ Xây dựng đã quy định một số vấn đề liên quan đến cải tạo và chỉnh trang đô thị, trong đó có những vấn đề cụ thể cần quan tâm đến khi nghiên cứu cho người nghèo đô thị:

- Hệ thống hạ tầng kỹ thuật trong các khu vực cũ cần được cải tạo đồng bộ, lộ giới đường giao thông trong nhóm nhà ở hiện trạng cải tạo phải đảm bảo lớn hơn 4 mét, đường cụt một làn xe không được dài quá 150 mét và phải có điểm quay xe. Đối với khu vực cũ trong các đô thị, khi quy hoạch cải tạo phải ưu tiên tối đa cho việc bố trí các công trình phúc lợi công cộng, mặc dù chỉ tiêu sử dụng đất có thể được phép giảm so với các chỉ tiêu thông thường. Bán kính phục vụ của các công trình công cộng được phép tăng không quá 2 lần so với quy định thông thường, đồng thời phải đảm bảo các quy định chuyên ngành.

- Đối với nhà ở: Diện tích tối thiểu của mỗi lô đất xây dựng nhà liền kề là 25m², mỗi chiều của lô đất không được nhỏ hơn 2,5 mét với tầng cao theo quy định chung trong trường hợp lô đất là bộ phận cấu thành của cả dãy phố; Trong trường hợp lô đất đứng đơn lẻ, diện tích tối thiểu của lô đất được xây dựng công trình trên đó là 50 m²/căn nhà với mỗi chiều của lô đất không nhỏ hơn 5 mét; Khoảng cách giữa các dãy nhà liền kề hoặc công trình đơn lẻ phải đáp ứng được các yêu cầu về vệ sinh môi trường và phòng chống cháy;

Các chỉ tiêu cần đạt được trong các khu ở đến năm 2020 như sau:

- Di dời 100% nhà xây tại các khu vực không đảm bảo an toàn và không phù hợp cho sinh sống của người dân;

- Xây dựng đạt chuẩn về mật độ đường giao thông cho các loại đường khác nhau và nâng cấp hệ thống đèn đường chiếu sáng;

- Cấp nước sạch tới 100% hộ dân của đô thị;

- Khôi phục và lắp đặt hệ thống thoát nước chung cho cả thoát nước mưa và nước thải nhằm giảm bớt nguy cơ lụt lội và ngấm vào các nguồn nước ngầm; 45% lượng nước thải và 100% chất thải rắn phải được thu gom và xử lý; 100% hộ dân của đô thị có nhà vệ sinh có nối đến bể tự hoại;

- Đảm bảo các khoản cho vay để cải tạo nhà ở đối với hộ gia đình có nhà ở chưa đạt chuẩn tại các khu dân cư nghèo.

3.2. Tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng cải tạo và chỉnh trang

Quy hoạch không gian cần phối hợp hiệu quả hơn với các quy hoạch phát triển kinh tế xã hội, quy hoạch chuyên ngành và có sự tham gia của tất cả các bên liên quan, cộng đồng. Các đồ án quy hoạch cần mang tính chiến lược và mềm dẻo để đáp ứng những nhu cầu không dự báo trước được của một nền kinh tế theo cơ chế thị trường.

Hơn thế nữa, quy hoạch phải dựa trên hiện thực đối với mức độ nguồn lực sẵn có cho thực thi, chúng cần được thực hiện một cách hiệu quả và hoàn thiện hơn.

Cần dành sự ưu tiên cao nhất để giải quyết tắc nghẽn giao thông và giao thông công cộng cho các thành phố lớn. Bên cạnh đó là việc mở rộng phạm vi cung cấp nước máy, thu gom và xử lý nước thải và thoát nước, đặc biệt tại các khu dân nghèo cũng như nơi tình trạng úng ngập và ô nhiễm diễn ra nghiêm trọng; Về thu gom, quản lý và xử lý chất thải rắn, cần ưu tiên cho việc xử lý an toàn những bãi chôn lấp với thiết kế và hoạt động hợp lý.

Giải quyết nhà ở, đặc biệt xây dựng nhà ở cho thuê trong khả năng chi trả của người nghèo bằng các biện pháp khuyến khích các nhà phát triển tư nhân là điều cần thiết, hiện nay khu vực kinh tế tư nhân bắt đầu đáp ứng phần nào nhu cầu của những người dân có thu nhập trung bình. Tuy nhiên, đáp ứng nhu cầu của những người thu nhập thấp, đặc biệt là những người dân mới di cư vẫn là một thách thức. Giải pháp là phải tạo ra những khuyến khích vật chất thích hợp đối với các nhà phát triển tư nhân.

Nâng cấp tại chỗ những khu vực hiện tại của người thu nhập thấp là một phương thức hiệu quả hỗ trợ chi phí cho người nghèo đô thị, tránh đảo lộn cuộc sống và nhiều khi còn là nơi kiếm sống của họ.

3.3. Tài chính thực hiện dự án

Việc dự trù tài chính cho phát triển là một yếu tố hết sức cần thiết, không thể thiếu khi xác định định hướng phát triển đô thị. Theo Ngân hàng Thế giới, dự kiến tài chính cho các hoạt động về hạ tầng kỹ thuật tại các đô thị Việt Nam như sau:

Bảng 2. Dự kiến nhu cầu tài chính cho cấp nước⁹

	2010	2020
Dân số đô thị (người)	32.000.000	46.000.000
Số dân đô thị có nước máy năm 2000 (người)	9.120.000	9.120.000
Số dân cần có nước máy (người)	22.880.000	36.880.000
Ước tính chi phí cho mỗi người theo thời giá năm 2000 (USD)	165	165
Vốn cần thiết để cung cấp 100% nước máy (triệu USD)	3.775	6.085

Bảng 3. Dự kiến nhu cầu tài chính cho thu gom và xử lý nước thải¹⁰

	2010	2020
Dân số đô thị (người)	32.000.000	46.000.000
Bình quân chi phí cho mỗi người về thu gom nước thải theo thời giá năm 2004 (USD)	30	30
Bình quân chi phí cho mỗi người về xử lý nước thải (theo phương pháp hồ xử lý ô xy hoá) theo thời giá năm 2004 (USD)	57,5	57,5

CẢI THIỆN MÔI TRƯỜNG Ở CHO CÁC KHU DÂN CUNGHIÈO ĐÔ THỊ...

Bình quân tổng chi phí cho mỗi người (USD)	87,5	87,5
Chi phí cung cấp hệ thống thu gom và xử lý nước thải cho toàn bộ dân cư đô thị (triệu USD)	2.800	4.025

Bảng 4. Dự kiến nhu cầu tài chính cho thoát nước¹¹

	2010	2020
Dân số đô thị (người)	32.000.000	46.000.000
Bình quân chi phí cho mỗi người về các nhánh thoát nước cấp 1, 2 và 3 theo thời giá năm 2004 (USD)	53,3	53,3
Bình quân chi phí cho mỗi người để phục hồi kênh mương theo thời giá năm 2004 (chỉ tính các thành phố loại đặc biệt và loại 1 - khoảng 40% dân số) (USD)	53,4	53,4
Chi phí cho tiêu thoát nước cấp 1, 2 và 3 (triệu USD)	1.709	2.456
Chi phí phục hồi kênh mương thoát cho 40% dân số (triệu USD)	684	983

Dự kiến Nhu cầu tài chính cho giao thông đô thị và nhà ở chi phí thấp¹²:

- Giao thông đô thị: dự kiến nhu cầu tài chính về quy hoạch tổng thể giao thông cho riêng thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội là 17,3 tỉ USD tới năm 2020 (khoảng 6 tỉ USD cho tới năm 2010);

- Nhà ở: cung cấp nhà ở chi phí thấp cho những người dân đô thị nghèo nhất (khoảng 15%) dự kiến chi phí khoảng 8,4 tỉ USD tới năm 2010.

Bảng 5. Dự kiến nhu cầu tài chính cho toàn bộ hạ tầng đô thị tới năm 2010¹³

Chuyên ngành	Dự kiến Nhu cầu Tài chính tới năm 2010 (tỉ USD)
Cấp nước	3,8
Thu gom và Xử lý nước thải	2,8
Thoát nước	2,4
Giao thông Đô thị (thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội)	6,0
Nhà ở Chi phí thấp	8,4
Tổng số	23,4

Dự kiến đầu tư này vào hạ tầng thiết yếu nhằm giải quyết những tồn tại và đáp ứng nhu cầu tăng trưởng rõ ràng vượt quá các nguồn lực ngân sách sẵn có của Chính phủ. Chính vì vậy, cần phải huy động thêm các nguồn tài chính khác, sắp xếp các đầu

tư theo thứ tự ưu tiên hợp lý và công tác thực thi phải tiến hành một cách có hiệu quả hơn.

Huy động các nguồn tiết kiệm trong nước là lựa chọn tốt nhất. Để làm được điều này, các chính quyền địa phương phải hoạt động theo hướng thương mại hơn nhằm đem lại sự tin cậy cho những nhà đầu tư. Ngoài ra là việc xem xét đánh giá xếp hạng tín dụng độc lập, phát hành trái phiếu, tăng số tự thu như tăng lệ phí nước thải, rác thải và áp dụng thuế tài sản.

Một công việc cũng hết sức quan trọng là sử dụng các nguồn lực ngân sách hạn hẹp làm đòn bẩy cho các nguồn lực khác nhằm giải quyết những vấn đề tác động tới sức khoẻ nhân dân và hỗ trợ những người bị thiệt thòi nhất.

4. Vai trò và trách nhiệm của các thành phần xã hội trong Quy hoạch cải tạo và chỉnh trang khu dân cư nghèo đô thị

4.1. Vai trò và trách nhiệm của nhà nước trung ương và địa phương

Trong thời gian tới, với quan điểm xây dựng hệ thống đô thị bền vững có nền tài chính đô thị mạnh, sự liên kết và phối hợp chặt chẽ, phát triển cân bằng có sự liên kết đô thị và nông thôn, tăng cường sự tham gia và nâng cao nhận thức cộng đồng, phân cấp và tăng cường thể chế, nâng cao năng lực và tính chủ động của chính quyền đô thị, Chính phủ Việt Nam đang tập trung vào các chính sách và giải pháp lớn về phát triển đô thị¹⁴, đặc biệt cho các khu nghèo đô thị, chủ yếu như sau:

1. *Xây dựng chiến lược phát triển đô thị, đẩy mạnh mối liên kết và giảm sự cách biệt giữa đô thị và nông thôn.*

2. *Tiến hành cải cách giấy tờ thủ tục hành chính công trong các lĩnh vực đất đai và quản lý nhà ở, kinh doanh và cấp phép xây dựng, đăng ký hộ khẩu...*

3. *Mở rộng các chính sách phát triển nhà ở cho dân nghèo thành thị, nâng cấp các khu vực dân cư phụ cận có tính đến điều kiện kinh tế và đảm bảo việc làm cho họ và tiếp tục hoàn thiện chính sách phát triển nhà ở cho người thu nhập thấp.*

Trong quy hoạch xây dựng đô thị, việc di dời, bố trí sắp xếp lại dân cư là điều cần thiết nhưng cần cố gắng tìm kiếm phương án tái định cư tại chỗ.

Thực hiện các dự án nâng cấp hạ tầng đô thị vừa đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường, vừa quan tâm đến các yêu cầu của dân nghèo thành thị và khả năng chi trả của họ. Hỗ trợ dân nghèo đô thị cải thiện môi trường cư trú, xây dựng chính sách khuyến khích người dân tham gia xây dựng cơ sở hạ tầng và quản lý sử dụng các dịch vụ xã hội tại nơi cư trú.

Hoàn chỉnh tiêu chuẩn, quy phạm một cách hợp lý, đáp ứng từng bước phù hợp với khả năng tài chính và kỹ thuật của dân nghèo trong đô thị.

4. *Tạo cơ hội cho người dân thành thị, kể cả dân nhập cư sử dụng các dịch vụ xã hội cơ bản như trường học, y tế, chợ, công trình công cộng, vui chơi, giải trí cho người nghèo và đưa ra các biện pháp giúp người nghèo tìm kiếm việc làm phù hợp ở các đô thị.*

CẢI THIÊN MÔI TRƯỜNG Ở CHO CÁC KHU DÂN CUNGHIÈO ĐÔ THỊ...

5. *Tiếp tục phát triển các chương trình xây dựng, nâng cấp mạng lưới hạ tầng kỹ thuật, từng bước cải tạo, mở mang giao thông đô thị, phát triển giao thông công cộng, chống ùn tắc và bảo đảm an toàn giao thông.*

Nâng cao năng lực quản lý hạ tầng kỹ thuật cho chính quyền đô thị. Đảm bảo quyền bình đẳng hưởng thụ các dịch vụ cấp thoát nước, thu gom xử lý rác thải, vệ sinh, chiếu sáng công cộng đối với mọi người dân cũng như nghiên cứu xây dựng chính sách xã hội hoá trong việc tham gia giảm thiểu ô nhiễm môi trường và bảo vệ môi trường sống đô thị đồng thời giảm chi phí đóng góp cho người nghèo.

6. *Tạo quỹ đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng kỹ thuật và dịch vụ xã hội cho người nghèo đô thị thông qua việc cung cấp các khoản vay vốn cho người nghèo, tiến tới hình thành quỹ hỗ trợ cho người nghèo đô thị.*

Hướng tiếp cận mới là xây dựng Chiến lược phát triển đô thị (CDS), giúp cho các tổ chức phát triển song phương và đa phương sử dụng CDS để xây dựng một chương trình hỗ trợ nhằm tạo mối liên kết giữa ngoại lực và nội lực hài hoà, hiệu quả, cho một mục tiêu phát triển đô thị bền vững hội đủ bốn tiêu chí là: có điều kiện sống tốt; có một nền tài chính lành mạnh; có tính cạnh tranh và có một chính quyền mạnh với một bộ máy quản lý tốt.

4.2. Cộng đồng tham gia công tác quy hoạch cải tạo và chỉnh trang các khu dân cư nghèo trong đô thị

Sự tham gia của cộng đồng trong quản lý đô thị là một quá trình mà nhà nước và người dân cùng nhận các trách nhiệm cụ thể trong các hoạt động cung cấp dịch vụ đô thị trên nguyên tắc hợp tác và hài hoà lợi ích. Đây không đơn giản là huy động nguồn lực, mà chính là đảm bảo cho những người chịu tác động của dự án đô thị (ở tất cả các lĩnh vực) được tham gia vào quá trình hình thành và thực hiện dự án. Các yếu tố chính bao gồm:

- Sự nỗ lực và tự chủ tối đa của người dân để cải thiện chính điều kiện sống của mình.
- Khai thác tối đa các nguồn lực trong cộng đồng, hợp tác và tổ chức hợp tác nhằm thực hiện các mục tiêu của cộng đồng.
- Chính phủ hoặc các tổ chức có sự trợ giúp về kỹ thuật và nguồn lực cũng như dịch vụ để hỗ trợ cộng đồng nâng cao năng lực tự chủ, sáng tạo trong cộng đồng như một quá trình xúc tác.

Các lợi ích lớn của đất nước có sự tham gia cộng đồng sẽ bền vững hơn nhiều, nhất là trong công tác quy hoạch xây dựng và quản lý đô thị. Ý nghĩa của sự tham gia này là thiết thực, cụ thể:

- Người dân có quyền tham gia vào quá trình hoạch định đô thị vì các quyết định đó sẽ tác động vào cuộc sống của họ. Nếu thuận thì họ sẽ tự đóng góp cho quá trình này bằng nhiều cách, ít nhất là ủng hộ và tuân thủ quy hoạch.

- Tăng sức mạnh của cộng đồng dân cư tại chỗ ở và họ sẽ tự can thiệp vào các vật cản làm chậm quy hoạch cũng như thực hiện quy hoạch bằng phương thức điều phối cộng đồng.

- Các dự án quy hoạch, xây dựng sẽ đạt kết quả tốt nhất nếu có sự ủng hộ và giám sát quá trình thực hiện của người dân. Đây cũng là ưu điểm lợi thế nhất, đặc biệt đối với các công trình ngầm và hạ tầng kỹ thuật đô thị.

- Cộng đồng có thể huy động nguồn nhân lực, vật lực rất dồi dào trong dân cư và họ sẽ gắn kết quyền lợi với dự án, tạo điều kiện cho các dự án xây dựng đẩy nhanh tiến độ và hiệu quả.

Không thể nói hết các lợi ích mà sự tham gia của cộng đồng đem lại khi chính phủ không đủ khả năng cung cấp nhà ở và các dịch vụ cơ bản cho người nghèo. Vì vậy, sự tham gia của cộng đồng rất quan trọng, do họ huy động được nguồn lực tại chỗ hoặc tự cung cấp các dịch vụ sẵn có cho cộng đồng. Ở Việt Nam hiện nay các cơ chế, chính sách cần thiết để đảm bảo cho việc tham gia của cộng đồng chưa được quan tâm đúng mức, nhất là ở các đơn vị cơ sở cấp phường, quận trong các dự án xây dựng có lấy đất của dân.

Chính vì vậy cần có quy trình khoa học để làm căn cứ cho việc đưa chủ trương có sự tham gia người dân trong quản lý đô thị, có thể như sau:

- Xây dựng quan điểm và phương pháp tiếp cận.

- Xây dựng quy trình thực hiện “Pháp lệnh dân chủ cơ sở” và áp dụng phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm và dân kiểm tra” theo hướng tăng quyền cho cộng đồng.

- Đưa sự tham gia cộng đồng vào các dự án quy hoạch ở tất cả các giai đoạn.

- Đưa sự kiểm tra, giám sát của cộng đồng dân cư tại chỗ trong việc xây dựng các dự án đô thị theo các quy định và quy chế có ràng buộc pháp lý giữa Chủ đầu tư - Nhà nước - Cộng đồng dân cư tại chỗ - Người hưởng thụ dự án.

- Kiểm tra tài chính dự án, dân phải có quyền so sánh giá xây dựng và các chỉ tiêu kinh tế giá thành khác.

- Duy trì, bảo dưỡng sau xây dựng càng cần có ý kiến người dân địa phương bởi dự án hàng ngày tác động lên cuộc sống của họ một cách tích cực hoặc tiêu cực.

4.3. Sự tham gia của thành phần kinh tế tư nhân

Trong nền kinh tế kế hoạch tập trung, nhà nước có trách nhiệm phát triển và cung cấp các dịch vụ và cơ sở hạ tầng đô thị. Trong nền kinh tế với định hướng thị trường, vai trò của khối tư nhân lớn hơn nhiều trong việc tạo ra và cung cấp các dịch vụ đô thị.

Trong nền kinh tế thị trường, khối tư nhân đóng một vai trò quan trọng trong việc tạo ra và cung cấp các dịch vụ đô thị. Nhà nước ngày càng trông chờ khối tư nhân tạo ra và cung cấp một phần dịch vụ đô thị một cách độc lập hoặc là đối tác với khối nhà nước. Đây sẽ là xu hướng chính trong tương lai của quản lý đô thị. Sự thay đổi

CẢI THIỆN MÔI TRƯỜNG Ở CHO CÁC KHU DÂN CUNGHIÈO ĐÔ THỊ...

trong việc tạo ra và cung cấp các dịch vụ đô thị đòi hỏi một sự quản lý cẩn thận mối quan hệ giữa khối tư nhân và nhà nước. Vai trò của nhà nước đang thay đổi cùng với đặc tính của nhà nước và trong thời gian gần đây, ít có sự khác biệt trong cấu trúc quản lý của khối tư nhân và nhà nước trong nền kinh tế thị trường.

Trong cơ chế thị trường hiện nay, khối tư nhân có thể phân phối dịch vụ đô thị hiệu quả hơn và có thể huy động nguồn lực tốt hơn nhằm làm giảm bớt những rủi ro mà một nhà đầu tư riêng rẽ có thể gặp phải; Nhà nước không nên liên quan nhiều đến việc cung cấp dịch vụ công cộng và cơ sở hạ tầng bởi khối tư nhân có thể gánh chịu những rủi ro trong lĩnh vực này là hợp lý hơn.

4.4. Người dân tham gia công tác quy hoạch cải tạo và chỉnh trang các khu dân cư nghèo trong đô thị

Trong các khu nghèo đô thị, bản thân người dân đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao chất lượng khu ở của mình. Những công việc mà người dân nghèo đô thị có thể tham gia gồm:

- Thể hiện mọi ý chí, nguyện vọng của mình về cải tạo, chỉnh trang khu nhà ở;
- Cung cấp các thông tin cần thiết cho công tác cải tạo, chỉnh trang;
- Đóng góp ý kiến về định hướng và giải pháp cho công tác quy hoạch cải tạo khu nhà ở;
- Cam kết thực hiện mọi quy định, nguyên tắc cải tạo, chỉnh trang khu dân cư của chính quyền đô thị;
- Nâng cao ý thức trong công tác quản lý và bảo vệ môi trường, tham gia tích cực công việc thu gom chất thải rắn, không xả nước thải ra không gian cộng đồng, không gây ô nhiễm môi trường...;
- Đóng góp nguồn nhân lực, khoản kinh phí mình có được để thực hiện, triển khai công tác cải tạo ngay chính chỗ ở của mình;
- Tham gia công tác quản lý, duy tu, bảo dưỡng và duy trì mọi hoạt động cho khu đô thị.

Kết luận

Quan tâm đến mọi tầng lớp của xã hội, trong đó có dân nghèo thành thị là một trong những nhiệm vụ hàng đầu của toàn Đảng và toàn dân ta. Cùng với sự phát triển mạnh mẽ của đất nước về kinh tế xã hội, không gian và bộ mặt các đô thị đã được thay đổi nhanh chóng với đầy đủ các khu chức năng phục vụ cuộc sống của con người. Bằng mọi nỗ lực của toàn xã hội, các khu ở đô thị đã được phát triển, nâng cấp đáng kể cả về chất lượng và số lượng. Tuy nhiên, bên cạnh các khu ở khang trang, hiện đại đầy đủ tiện nghi vẫn còn một bộ phận không nhỏ các khu nghèo đô thị, phân bố rải rác trong các đô thị lớn, đô thị mở rộng, đô thị ven biển và các khu công nghiệp tập trung.

Để có được các đô thị phát triển hoàn chỉnh, đồng bộ và bền vững, môi trường ở trong các khu dân cư nghèo đô thị phải được cải thiện. Giải pháp cải thiện môi trường ở cho người dân trong các khu vực nghèo đô thị cần bao gồm các chính sách, cơ chế,

việc tổ chức thực hiện quy hoạch và yếu tố tài chính triển khai thực hiện dự án. Việc xác định vai trò và trách nhiệm của các cấp chính quyền cũng như mọi thành phần của xã hội là hết sức cần thiết, trong đó sự tham gia của cộng đồng đang ngày càng có ý nghĩa trong mọi hoạt động của xã hội, kể cả xây dựng và phát triển đô thị.

Cải thiện môi trường ở cho các khu dân cư nghèo đô thị trong quá trình đô thị hoá ở Việt Nam là góp phần thiết thực thực hiện phương châm xây dựng một nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, đem lại hạnh phúc cho mọi người.¹⁵

CHÚ THÍCH

¹Báo cáo của nhóm tư vấn MOC4, Báo cáo đánh giá thực trạng và nhu cầu nâng cấp đô thị toàn quốc. *Hội thảo cuối kỳ*, tháng 4 năm 2008. Dự án tổng thể nâng cấp đô thị - NUUP.

²Trần Ngọc Chính, *Chính sách phát triển đô thị tại Việt Nam. Tham luận Hội thảo Khoa học Nửa thế kỷ (1956-2006) với sự nghiệp Quy hoạch xây dựng, Hà Nội, tháng 12/2006*

³Báo cáo của nhóm tư vấn MOC4, Báo cáo đánh giá thực trạng và nhu cầu nâng cấp đô thị toàn quốc. *Hội thảo cuối kỳ*, tháng 4 năm 2008. Dự án tổng thể nâng cấp đô thị - NUUP.

⁴Báo cáo của nhóm tư vấn MOC4, Báo cáo đánh giá thực trạng và nhu cầu nâng cấp đô thị toàn quốc. *Hội thảo cuối kỳ*, tháng 4 năm 2008. Dự án tổng thể nâng cấp đô thị - NUUP.

⁵Trần Minh Anh, Tình hình cung cấp nước sạch cho các khu dân cư nghèo ở Việt Nam, *Tạp chí Xây dựng*, số 4-2008, trang 35-38

⁶ Các thông tin khác trên Internet (www.worldbank.org; www.adb.org; www.chinhphu.vn; www.xaydung.gov.vn; www.hanoi.gov.vn).

⁷ Các thông tin khác trên Internet (www.worldbank.org; www.adb.org; www.chinhphu.vn; www.xaydung.gov.vn; www.hanoi.gov.vn).

⁸ Các thông tin khác trên Internet (www.worldbank.org; www.adb.org; www.chinhphu.vn; www.xaydung.gov.vn; www.hanoi.gov.vn).

⁹ Alan Coulthart, Chiến lược phát triển đô thị, *Ngân hàng Thế giới*, 2007

¹⁰ Alan Coulthart, Chiến lược phát triển đô thị, *Ngân hàng Thế giới*, 2007

¹¹ Alan Coulthart, Chiến lược phát triển đô thị, *Ngân hàng Thế giới*, 2007

¹² Alan Coulthart, Chiến lược phát triển đô thị, *Ngân hàng Thế giới*, 2007

¹³ Alan Coulthart, Chiến lược phát triển đô thị, *Ngân hàng Thế giới*, 2007

¹⁴Trần Ngọc Chính, *Chính sách phát triển đô thị tại Việt Nam. Tham luận Hội thảo Khoa học Nửa thế kỷ (1956-2006) với sự nghiệp Quy hoạch xây dựng, Hà Nội, tháng 12/2006*